

Số: 42/2024/QĐST-DS

Hoàng Mai, ngày 27 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

*Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;*

*Các Điều 99, 100, 102, 103- Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.*

*Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.*

*Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

*Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 211/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2024.*

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm và trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

**Nguyên đơn: Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V**

Trụ sở: số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đ, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng B, trưởng phòng xử lý nợ.

(Văn bản ủy quyền số 38b/2024/UQN-CTQT ngày 01/6/2024)

Người nhận ủy quyền của ông Nguyễn Hồng B:

+ Ông Trịnh Chiêu M- trưởng bộ phận xử lý nợ

+ Ông Đinh Trần Đại N, chuyên viên xử lý nợ

+ Ông Lò Văn M, chuyên viên xử lý nợ

+ Ông Đào Trí D, chuyên viên xử lý nợ

+ Bà Phan Thị Ph, chuyên viên xử lý nợ

+ Bà Nguyễn Thị Huyền D, cán bộ xử lý nợ

(Văn bản ủy quyền số 0612/2024/UQ-VPB ngày 06/12/2024)

**2/Bị đơn:** + Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1981

+ Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1983

+ Anh Phạm Việt L, sinh năm 2004

Cùng trú tại: số 6 ngõ 14 phố Nguyễn Chính, phường T, quận Hoàng M,  
Thành phố H

**3/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1981

+ Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1983

Cùng trú tại: số 6 ngõ 14 phố Nguyễn Chính, phường T, quận Hoàng M,  
Thành phố H.

**2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1/Các bên xác nhận là ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 nợ Ngân hàng TMCP V số tiền tính đến ngày 19/12/2024 theo các hợp đồng tín dụng như sau:

+ Hợp đồng cho vay số LN 2401171610235: nợ gốc là 4.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 31.934. 246 đồng, nợ lãi quá hạn là 290.498.630 đồng, lãi chậm trả lãi là 7.874.762 đồng. Tổng cộng là 4.330.307.638 đồng.

+ Hợp đồng cho vay hạn mức số LN 2401171610259: nợ gốc 3.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 26.884.931 đồng, nợ lãi quá hạn là 243.320.548 đồng, lãi chậm trả lãi 6.651.395 đồng. Tổng cộng là 3.276.856.874 đồng

2.2/ Các bên xác nhận ông Nguyễn Văn H nợ thẻ tín dụng (số thẻ tín dụng 393-P 3037702) nợ gốc là: 74.999.850 đồng, nợ lãi quá hạn thẻ tín dụng là 11.194.991 đồng, lãi chậm trả lãi 1.242.040 đồng. Tổng cộng là 87.436.881 đồng.

2.3/Các bên xác nhận là anh Phạm Việt L nợ Ngân hàng TMCP V số tiền tính đến ngày 19/12/2024 theo các hợp đồng tín dụng như sau:

+ Hợp đồng cho vay số LN 2401171610317: nợ gốc là 4.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 31.934. 246 đồng, nợ lãi quá hạn là 290.498.630 đồng, lãi chậm trả lãi là 7.874.762 đồng. Tổng cộng là 4.330.307.638 đồng.

+Hợp đồng cho vay hạn mức số LN 2401171610324: nợ gốc 3.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 26.884.931 đồng, nợ lãi quá hạn là 243.320.548 đồng, lãi chậm trả lãi 6.651.395 đồng. Tổng cộng là 3.276.856.874 đồng

2.4/Các bên thống nhất thỏa thuận ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1, anh Phạm Việt L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số nợ trên theo lộ trình trả nợ như sau:

+Ngày 19/01/2025 ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi theo Hợp đồng cho vay số LN 2401171610235 (tính đến ngày 19/12/2024) như sau: nợ gốc là 4.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 31.934. 246 đồng, nợ lãi quá hạn là 290.498.630 đồng, lãi chậm trả lãi là 7.874.762 đồng. Tổng cộng là 4.330.307.638 đồng.

+ Ngày 19/01/2025 ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN 2401171610259 (tính đến ngày 19/12/2024) như sau: nợ gốc 3.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 26.884.931 đồng, nợ lãi quá hạn là 243.320.548 đồng, lãi chậm trả lãi 6.651.395 đồng. Tổng cộng là 3.276.856.874 đồng

+ Ngày 19/01/2025 ông Nguyễn Văn H phải thanh toán số nợ thẻ tín dụng - số thẻ tín dụng 393-P 3037702 (tính đến ngày 19/12/2024) như sau: nợ gốc là: 74.999.850 đồng, nợ lãi quá hạn thẻ tín dụng là 11.194.991 đồng, lãi chậm trả lãi 1.242.040 đồng. Tổng cộng là 87.436.881 đồng.

+ Ngày 19/01/2025 anh Phạm Việt L phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi Hợp đồng cho vay số LN 2401171610317 (tính đến ngày 19/12/2024) như sau: nợ gốc là 4.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn

là 31.934.246 đồng, nợ lãi quá hạn là 290.498.630 đồng, lãi chậm trả lãi là 7.874.762 đồng. Tổng cộng là 4.330.307.638 đồng.

+ Ngày 19/01/2025 anh Phạm Việt L phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN 2401171610324 (tính đến ngày 19/12/2024) như sau: nợ gốc 3.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 26.884.931 đồng, nợ lãi quá hạn là 243.320.548 đồng, lãi chậm trả lãi 6.651.395 đồng. Tổng cộng là 3.276.856.874 đồng.

2.5/ Kể từ ngày 20/12/2024 ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thu H1 tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số LN 2401171610235, Hợp đồng cho vay hạn mức số LN 2401171610259 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Kể từ ngày 20/12/2024 ông Nguyễn Văn H tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi của số tiền nợ gốc theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ ngày 07/02/2024 (số thẻ tín dụng 393-P 3037702) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày 20/12/2024 anh Phạm Việt L tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số LN 2401171610317, Hợp đồng cho vay hạn mức số LN 2401171610324 ngày 07/02/2024 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.6/ Trường hợp ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thu H, anh Phạm Việt L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ theo Hợp đồng cho vay số LN 2401171610235 ngày 07/02/2024, Hợp đồng cho vay hạn mức số LN 2401171610259 ngày 07/02/2024, Hợp đồng cho vay số LN 2401171610317, Hợp đồng cho vay hạn mức số LN 2401171610324 ngày 07/02/2024 và lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP V thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại, xử lý các tài sản bảo đảm như sau:

+Tài sản 1: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 250, tờ bản đồ số 34, diện tích 154,8m<sup>2</sup> tại địa chỉ xã Lộc Đức, huyện B, tỉnh L. Thửa đất được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 831337, số vào sổ cấp GCN CS07954 ngày 09/02/2023, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 ngày 01/02/2024.

+Tài sản 2: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 251, tờ bản đồ số 34, diện tích 154,8m<sup>2</sup> tại địa chỉ xã Lộc Đức, huyện B, tỉnh L. Thửa đất được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 831338, số vào sổ cấp GCN CS07955 ngày 09/02/2023, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 ngày 01/02/2024.

+Tài sản 3: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 253, tờ bản đồ số 34, diện tích 154,8m<sup>2</sup> tại địa chỉ xã Lộc Đức, huyện B, tỉnh L. Thửa đất được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 831339, số vào sổ cấp GCN CS07956 ngày 09/02/2023, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 ngày 01/02/2024.

+Tài sản 4: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 255, tờ bản đồ số 34, diện tích 155,3m<sup>2</sup> tại địa chỉ xã Lộc Đức, huyện B, tỉnh L. Thửa đất được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 831340, số vào sổ cấp GCN CS07957 ngày 09/02/2023, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 ngày 01/02/2024.

+Tài sản 5: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 257, tờ bản đồ số 34, diện tích 152,3m<sup>2</sup> tại địa chỉ xã Lộc Đức, huyện B, tỉnh L. Thửa đất được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 831341, số vào sổ cấp GCN CS07958 ngày 09/02/2023, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 ngày 01/02/2024.

+Tài sản 6: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 263, tờ bản đồ số 34, diện tích 146,3m<sup>2</sup> tại địa chỉ xã Lộc Đức, huyện B, tỉnh L. Thửa đất được Sở

Tài nguyên môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 831367, số vào sổ cấp GCN CS07968 ngày 09/02/2023, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 ngày 01/02/2024.

+Tài sản 7: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 265, tờ bản đồ số 34, diện tích 151,3m<sup>2</sup> tại địa chỉ xã Lộc Đức, huyện B, tỉnh L. Thửa đất được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 831368, số vào sổ cấp GCN CS07969 ngày 09/02/2023, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 ngày 01/02/2024.

+Tài sản 8: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 266, tờ bản đồ số 34, diện tích 117,4m<sup>2</sup> tại địa chỉ xã Lộc Đức, huyện B, tỉnh L. Thửa đất được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 831369, số vào sổ cấp GCN CS07970 ngày 09/02/2023, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 ngày 01/02/2024.

+Tài sản thứ 9: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 268, tờ bản đồ số 34, diện tích 117,6m<sup>2</sup> tại địa chỉ xã Lộc Đức, huyện B, tỉnh L. Thửa đất được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 831370, số vào sổ cấp GCN CS07971 ngày 09/02/2023, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 ngày 01/02/2024.

+Tài sản 10: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 270, tờ bản đồ số 34, diện tích 117,2m<sup>2</sup> tại địa chỉ xã Lộc Đức, huyện B, tỉnh L. Thửa đất được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 831371, số vào sổ cấp GCN CS07972 ngày 09/02/2023, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 ngày 01/02/2024.

+Tài sản 11: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 271, tờ bản đồ số 34, diện tích 116,8m<sup>2</sup> tại địa chỉ xã Lộc Đức, huyện B, tỉnh L. Thửa đất được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 831375, số vào sổ cấp GCN CS07976

ngày 09/02/2023, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 ngày 01/02/2024.

+Tài sản 12: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 272, tờ bản đồ số 34, diện tích 116,4m<sup>2</sup> tại địa chỉ xã Lộc Đức, huyện B, tỉnh L. Thửa đất được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 831372, số vào sổ cấp GCN CS07973 ngày 09/02/2023, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 ngày 01/02/2024.

+Tài sản 13: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 273, tờ bản đồ số 34, diện tích 116,5m<sup>2</sup> tại địa chỉ xã Lộc Đức, huyện B, tỉnh L. Thửa đất được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 831376, số vào sổ cấp GCN CS07977 ngày 09/02/2023, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 ngày 01/02/2024.

+Tài sản 14: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 274, tờ bản đồ số 34, diện tích 116,6m<sup>2</sup> tại địa chỉ xã Lộc Đức, huyện B, tỉnh L. Thửa đất được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 831328, số vào sổ cấp GCN CS 7978 ngày 09/02/2023, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 ngày 01/02/2024.

+Tài sản 15: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 276, tờ bản đồ số 34, diện tích 116,8m<sup>2</sup> tại địa chỉ xã Lộc Đức, huyện B, tỉnh L. Thửa đất được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 831329, số vào sổ cấp GCN CS7979 ngày 09/02/2023, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 ngày 01/02/2024.

+Tài sản 16: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 277, tờ bản đồ số 34, diện tích 1001,5m<sup>2</sup> tại địa chỉ xã Lộc Đức, huyện B, tỉnh L. Thửa đất được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 831330, số vào sổ cấp GCN CS07980 ngày 09/02/2023, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 ngày 01/02/2024.

+Tài sản 17: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 278, tờ bản đồ số 34, diện tích 1002m<sup>2</sup> tại địa chỉ xã Lộc Đức, huyện B, tỉnh L. Thửa đất được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 831334, số vào sổ cấp GCN CS 7984 ngày 09/02/2023, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 ngày 01/02/2024.

+Tài sản 18: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 279, tờ bản đồ số 34, diện tích 1001,3m<sup>2</sup> tại địa chỉ xã Lộc Đức, huyện B, tỉnh L. Thửa đất được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 831335, số vào sổ cấp GCN CS07985 ngày 09/02/2023, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 ngày 01/02/2024.

+Tài sản 19: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 280, tờ bản đồ số 34, diện tích 1003,2m<sup>2</sup> tại địa chỉ xã Lộc Đức, huyện B, tỉnh L. Thửa đất được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 831331, số vào sổ cấp GCN CS7981 ngày 09/02/2023, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 ngày 01/02/2024.

+Tài sản 20: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 283, tờ bản đồ số 34, diện tích 150,5m<sup>2</sup> tại địa chỉ xã Lộc Đức, huyện B, tỉnh L. Thửa đất được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 991622, số vào sổ cấp GCN CS08139 ngày 01/6/2023, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 ngày 01/02/2024.

+Tài sản 21: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 285, tờ bản đồ số 34, diện tích 149m<sup>2</sup> tại địa chỉ xã Lộc Đức, huyện B, tỉnh L. Thửa đất được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 991620, số vào sổ cấp GCN CS08140 ngày 01/6/2023, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 ngày 01/02/2024.

Các tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số LN2401171610317/HĐTC ngày 06/02/2024 tại Văn phòng công chứng Phạm Thị Thùy Trang, tỉnh L, số công chứng 995, quyển số 02/2024/TP/CC-SCC/HĐGD.

Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thu H1, anh Phạm Việt L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V.

2.7/ Trường hợp ông Nguyễn Văn H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ ngày 07/02/2024 (số thẻ tín dụng 393-P 3037702) thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

3/ Về án phí: Các bên tự thỏa thuận giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên phải chịu 50% án phí dân sự có giá ngạch.

Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thu H1, anh Phạm Việt L tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 31.087.713 đồng. Bà Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.901.791 đồng. Anh Phạm Việt L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 57.803.582 đồng

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng M, Thành phố H theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0034147 ngày 30 tháng 10 năm 2024.

4/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Hoàng Mai, TP Hà Nội
- Chi cục THA dân sự quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;
- Lưu HS vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Thu H**

